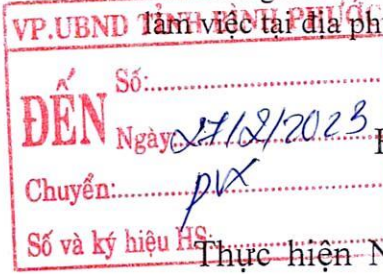


QUỐC HỘI KHÓA XV
TỔNG THƯ KÝ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2021/TTKQH-GS
V/y Đoàn giám sát của UBTVQH
làm việc tại địa phương, đơn vị

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2023



Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước,

Thực hiện Nghị quyết số 581/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông” và Kế hoạch chi tiết số 59/KH-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát; dự kiến tháng 3 - 4/2023, Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về những nội dung liên quan đến chuyên đề giám sát nêu trên (*Dự kiến Chương trình làm việc kèm theo*).

Thực hiện chỉ đạo của Đoàn giám sát, Tổng Thư ký Quốc hội trân trọng đề nghị quý Ủy ban chuẩn bị báo cáo và chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện/thành phố, cơ sở giáo dục trên địa bàn chuẩn bị báo cáo về những nội dung liên quan đến chuyên đề giám sát (*theo Đề cương gửi kèm*); tham dự và báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan tại cuộc làm việc với Đoàn công tác. Thời gian, chương trình làm việc cụ thể Đoàn giám sát sẽ thông báo sau tới quý Ủy ban.

Báo cáo của các cơ quan, đơn vị xin gửi đến Đoàn giám sát **trước ngày 06/03/2023** (qua Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội, số 22 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội; kèm theo file điện tử gửi vào email: dungthd@quochoi.vn)¹.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của quý Ủy ban.

(Chi tiết xin liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Kim Anh, Chuyên viên Vụ Phục vụ hoạt động giám sát, điện thoại: 080.41937 – 0985960860, email: nguyenthikimanh@quochoi.vn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Trần Thanh Mẫn, PCTTTQH, Trường ĐGS (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Đắc Vinh, CNUBVHGD, PTĐTT (để b/c);
- Đ/c Bùi Văn Cường, TTKQH-CN VPQH (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Thị Mai Hoa, PCN UBVHGD, TT TGV;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước (để mời tham dự);
- Các Vụ: VHGD, GS (để phối hợp);
- Lưu: HC, VHGD, GS.
- E-pas: 14298

KT. TỔNG THƯ KÝ
PHÓ TỔNG THƯ KÝ



Nguyễn Thị Thúy Ngân

¹ Chi tiết liên hệ: Đ/c Thiều Đức Dũng, Chuyên viên chính Vụ Văn hóa, Giáo dục - Văn phòng Quốc hội, ĐT: 080.46218 hoặc 0912142789.

DỰ KIẾN LỊCH TRÌNH GIÁM SÁT TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG – TỔ 2

- **Chỉ đạo chung:** Đồng chí Trần Thanh Mẫn, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội, Trưởng Đoàn giám sát;
- **Phụ trách trực tiếp:** Đồng chí Nguyễn Thị Thanh, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Trưởng Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn.

1. TP Hồ Chí Minh (Từ ngày 16-18/3/2023)

Thời gian	Nội dung, địa điểm	Loại hình	Thành phần	Tổ giúp việc
Ngày 16/3 (Thứ Năm)	L/v với Trường tiểu học Hà Huy Giáp (Quận 12)	Công lập	Đoàn 1: 1. Đ/c Phan Viết Lượng 2. Đ/c Vũ Thị Lưu Mai 3. Đ/c Nguyễn Thị Mai Thoa 4. Đ/c Thái Văn Thành 5. Đoàn ĐBQH TP Hồ Chí Minh	6. Đ/c Vũ Minh Đạo 7. Đ/c Thiều Đức Dũng 8. Văn phòng Đoàn ĐBQH TP Hồ Chí Minh
	L/v với Trường THCS Trần Quang Khải (Quận 12)	Công lập	Đoàn 2: 1. Đ/c Nguyễn Thị Mai Hoa 2. Đ/c Lê Thu Hà 3. Đ/c Nguyễn Thanh Cẩm 4. Đ/c Lê Thị Song An	5. Đ/c Nguyễn Thị Hải Vân 6. Vụ PVHĐGS
	L/v với Trường tiểu học Bình Phước, huyện Cần Giờ	Công lập	Đoàn 3 7. Đ/c Đinh Công Sỹ 8. Đ/c Lưu Văn Đức 9. Đ/c Hoàng Minh Hiếu 10. Đ/c Trần Văn Thức	11. Đ/c Đỗ Thị Kiều Dung 12. Đ/c Đặng Thu Hằng
	L/v với Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cần Giờ	TTGDTX	Đoàn 4 8. Đ/c Đỗ Chí Nghĩa 9. Đ/c Bùi Hoài Sơn 10. Đ/c Nguyễn Thị Tuyết Nga 11. Đ/c Đỗ Huy Khánh 12. Bộ Giáo dục và Đào tạo	13. Đ/c Bùi Giang Nam 14. Đặng Thị Thu Hương
Chiều	L/v với UBND Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	CQQLNN	Đoàn 1+2: 1. Đ/c Nguyễn Thị Mai Hoa	10. Đ/c Vũ Minh Đạo 11. Đ/c Thiều Đức Dũng

					<ol style="list-style-type: none"> 2. D/c Phan Viết Lương 3. D/c Lê Thu Hà 4. D/c Vũ Thị Lưu Mai 5. D/c Nguyễn Thị Mai Thoa 6. D/c Nguyễn Thanh Cẩm 7. D/c Thái Văn Thành 8. D/c Lê Thị Song An 9. Đoàn DBQH TP Hồ Chí Minh 	<ol style="list-style-type: none"> 12. D/c Nguyễn Thị Hải Vân 13. Vụ PVHDGS 14. Văn phòng Đoàn DBQH TP Hồ Chí Minh
		L/v với Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	CQQLNN	<p>Đoàn 3+4:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Đinh Công Sỹ 2. D/c Đỗ Chí Nghĩa 3. D/c Bùi Hoài Sơn 4. D/c Lưu Văn Đức 5. D/c Hoàng Minh Hiếu 6. D/c Trần Văn Thúc 7. D/c Nguyễn Thị Tuyết Nga 8. D/c Đỗ Huy Khánh 9. Bộ Giáo dục và Đào tạo 	<ol style="list-style-type: none"> 10. D/c Đỗ Thị Kiều Dung 11. D/c Đặng Thu Hằng 12. D/c Bùi Giang Nam 13. Đặng Thị Thu Hương 	
		L/v với Trường Tiểu học Lương Thế Vinh (Q. Gò Vấp)	Công lập	<p>Đoàn 1:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Phan Viết Lương 2. D/c Vũ Thị Lưu Mai 3. D/c Nguyễn Thị Mai Thoa 4. D/c Thái Văn Thành 5. Đoàn DBQH TP Hồ Chí Minh 	<ol style="list-style-type: none"> 6. D/c Vũ Minh Đạo 7. D/c Thiều Đức Dũng 8. Văn phòng Đoàn DBQH TP Hồ Chí Minh 	
		L/v với Trường tiểu học, THCS và THPT Hermann Gmeiner (Q. Gò Vấp)	Tư thực	<p>Đoàn 2:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Nguyễn Thị Mai Hoa 2. D/c Lê Thu Hà 3. D/c Nguyễn Thanh Cẩm 4. D/c Lê Thị Song An 	<ol style="list-style-type: none"> 5. D/c Nguyễn Thị Hải Vân 6. Vụ PVHDGS 	
Ngày 17/3 (Thứ Sáu)	Sáng	L/v với Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong (Quận 5)	Trường chuyên	<p>Đoàn 3</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Đinh Công Sỹ 2. D/c Lưu Văn Đức 	<ol style="list-style-type: none"> 5. D/c Đỗ Thị Kiều Dung 6. D/c Đặng Thu Hằng 	

				<p>3. Đ/c Hoàng Minh Hiếu 4. Đ/c Trần Văn Thức</p> <p>Đoàn 4 1. Đ/c Đỗ Chí Nghĩa 2. Đ/c Bùi Hoài Sơn 3. Đ/c Nguyễn Thị Tuyết Nga 4. Đ/c Đỗ Huy Khánh 5. Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>6. Đ/c Bùi Giang Nam 7. Đặng Thị Thu Hương</p>
	L/v với Trường Tiểu học - THCS - THPT Hoàng Gia (Số 8, Đặng Đại Độ, Phường Tân Phong, Quận 7, TPHCM)	Nhiều cấp học		<p>Đoàn 1+2: 1. Đ/c Nguyễn Thị Mai Hoa 2. Đ/c Phan Viết Lượng 3. Đ/c Lê Thu Hà 4. Đ/c Vũ Thị Lưu Mai 5. Đ/c Nguyễn Thị Mai Thoa 6. Đ/c Nguyễn Thanh Cẩm 7. Đ/c Thái Văn Thành 8. Đ/c Lê Thị Song An 9. Đoàn ĐBQH TP Hồ Chí Minh</p>	<p>10. Đ/c Vũ Minh Đạo 11. Đ/c Thiều Đức Dũng 12. Đ/c Nguyễn Thị Hải Vân 13. Vụ PVHDGS 14. Văn phòng Đoàn ĐBQH TP Hồ Chí Minh</p>
Chiều	Trường Trung học Thực hành - Đại học Sư phạm TP.HCM	Đào tạo khởi ngành sư phạm		<p>Đoàn 3 1. Đ/c Đinh Công Sỹ 2. Đ/c Lưu Văn Đức 3. Đ/c Hoàng Minh Hiếu 4. Đ/c Trần Văn Thức</p> <p>Đoàn 4 1. Đ/c Đỗ Chí Nghĩa 2. Đ/c Bùi Hoài Sơn 3. Đ/c Nguyễn Thị Tuyết Nga 4. Đ/c Đỗ Huy Khánh 5. Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>5. Đ/c Đỗ Thị Kiều Dung 6. Đ/c Nguyễn Thị Hải Vân</p> <p>6. Đ/c Đặng Thu Hằng 7. Đ/c Bùi Giang Nam</p>
	L/v với Trường Quốc tế TP. Hồ Chí Minh (ISHCMC) (Quận 2)	Có yếu tố nước ngoài	Thực hành	<p>1. Đ/c Nguyễn Thị Mai Hoa 2. Đ/c Phan Viết Lượng 3. Đ/c Đinh Công Sỹ 4. Đ/c Đỗ Chí Nghĩa</p>	<p>7. Vũ Minh Đạo 8. Đỗ Thị Kiều Dung 9. Đặng Thị Thu Hương 10. Đ/c Nguyễn Thị Hải Vân</p>
Ngày 18/3 (Thứ Bảy)	Làm việc với Đoàn ĐBQH TP Hồ Chí Minh	Đoàn ĐBQH	Sáng		

				<ol style="list-style-type: none"> D/c Bùi Hoài Sơn D/c Nguyễn Thị Tuyết Nga 	11. Vụ PVHDGS
				<ol style="list-style-type: none"> Đoàn giám sát Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nội vụ; VHTT&DL; LPTB&XH Chuyên gia 	<ol style="list-style-type: none"> Tổ giúp việc; Văn phòng Đoàn DBQH thành phố Hồ Chí Minh
Dự kiến tháng 4/2023	(01 buổi)	L/v với Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	CQQLNN		

2. Bình Phước (Từ ngày 20-21/3/2023)

Thời gian	Nội dung, địa điểm	Loại hình	Thành phần	Tổ giúp việc
Sáng	L/v với Trường Trần học Lộc Quang, huyện Lộc Ninh	Công lập	Đoàn 1: <ol style="list-style-type: none"> D/c Nguyễn Thị Mai Hoa D/c Vũ Thị Lưu Mai D/c Lưu Văn Đức Bộ Giáo dục và Đào tạo 	<ol style="list-style-type: none"> D/c Đỗ Thị Kiều Dung Nguyễn Thị Hải Vân Vụ PVHDGS
	L/v với Trường THCS Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh	Công lập	Đoàn 2: <ol style="list-style-type: none"> D/c Đỗ Chí Nghĩa D/c Bùi Hoài Sơn D/c Lê Thu Hà D/c Lê Thị Song An Đoàn DBQH tỉnh Bình Phước 	<ol style="list-style-type: none"> D/c Bùi Giang Nam D/c Đoàn Mạnh Cường Văn phòng Đoàn DBQH tỉnh Bình Phước
Chiều	L/v với Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh	CQQLNN	Đoàn 1 +2: <ol style="list-style-type: none"> D/c Nguyễn Thị Mai Hoa D/c Vũ Thị Lưu Mai D/c Lưu Văn Đức D/c Đỗ Chí Nghĩa D/c Bùi Hoài Sơn D/c Lê Thu Hà D/c Lê Thị Song An 	<ol style="list-style-type: none"> D/c Đỗ Thị Kiều Dung D/c Đoàn Mạnh Cường D/c Bùi Giang Nam Nguyễn Thị Hải Vân Vụ PVHDGS Văn phòng Đoàn DBQH tỉnh Bình Phước
<p>Ngày 20/3 (Thứ Hai)</p>				

					8. Đ/c Bộ Giáo dục và Đào tạo 9. Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước		4. Đ/c Đỗ Thị Kiều Dung 5. Nguyễn Thị Hải Vân
Ngày 21/3 (Thứ Ba)	Sáng	L/v với Trường THPT Chuyên Quang Trung	THPT Chuyên	Công lập	Đoàn 1: 1. Đ/c Nguyễn Thị Mai Hoa 2. Đ/c Vũ Thị Lưu Mai 3. Bộ Giáo dục và Đào tạo		
		L/v với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Chơn Thành		Chuyên biệt/Công lập	Đoàn 2: 1. Đ/c Đỗ Chí Nghĩa 2. Đ/c Lưu Văn Đức 3. Đ/c Lê Thu Hà 4. Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước		5. Đ/c Bùi Giang Nam 6. VP Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước
Dự kiến trong thời gian 27/3-05/4		L/v với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bình Phước	Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bình Phước	Trực thuộc UBND tỉnh	Đoàn 3: 1. Đ/c Bùi Hoài Sơn 2. Đ/c Lê Thị Song An		3. Đ/c Đoàn Mạnh Cường 4. Vụ PVHĐGS
		L/v với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước		CQLNN	1. Thành viên Đoàn giám sát Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nội vụ; VH TT&DL; LĐTB&XH 2. Chuyên gia		3. Tổ giúp việc 4. VP Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước

3. Đák Nông (Từ ngày 22-24/3/2023)

4. Thời gian	Nội dung, địa điểm	Loại hình	Thành phần	Tổ giúp việc
Ngày 22/3 (Thứ Tư)	Sáng	Từ Bình Phước - Đák Nông		
	Chiều	L/v với trường THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Công lập	Đoàn 1: 1. Đ/c Nguyễn Thị Mai Hoa 2. Đ/c Vũ Thị Lưu Mai 3. Đ/c Lưu Văn Đức 4. Bộ Giáo dục và Đào tạo
	L/v với Trường phổ thông dân	Chuyên	Đoàn 2:	6. Đ/c Bùi Giang Nam

		tộc nội trú tỉnh Đắk Nông	biệt/Công lập	<ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Đỗ Chí Nghĩa 2. D/c Bùi Hoài Sơn 3. D/c Lê Thu Hà 4. D/c Trần Văn Thúc 5. Đoàn DBQH tỉnh Đắk Nông 	<ol style="list-style-type: none"> 7. D/c Đoàn Mạnh Cường 8. Văn phòng Đoàn DBQH tỉnh Đắk Nông
		L/v với Trường Phổ thông dân tộc bán trú - Tiểu học Vừ A Dính, xã Đắk Som, huyện Đắk Glong	Công lập	Đoàn 1: <ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Nguyễn Thị Mai Hoa 2. D/c Vũ Thị Lưu Mai 3. D/c Lưu Văn Đức 4. Bộ Giáo dục và Đào tạo 	<ol style="list-style-type: none"> 5. D/c Đỗ Thị Kiều Dung 6. Nguyễn Thị Hải Vân 7. Vụ PVHDGS
	<i>Sáng</i>	L/v với Trường THCS Nguyễn Du, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong	Công lập	Đoàn 2: <ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Đỗ Chí Nghĩa 2. D/c Bùi Hoài Sơn 3. D/c Lê Thu Hà 4. D/c Trần Văn Thúc 5. Đoàn DBQH tỉnh Đắk Nông 	<ol style="list-style-type: none"> 6. D/c Bùi Giang Nam 7. D/c Đoàn Mạnh Cường 8. Văn phòng Đoàn DBQH tỉnh Đắk Nông
Ngày 23/3 (Thứ Năm)		L/v với Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong	CQQLNN	Đoàn 1 +2: <ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Nguyễn Thị Mai Hoa 2. D/c Vũ Thị Lưu Mai 3. D/c Lưu Văn Đức 4. D/c Đỗ Chí Nghĩa 5. D/c Bùi Hoài Sơn 6. D/c Lê Thu Hà 7. D/c Trần Văn Thúc 8. Bộ Giáo dục và Đào tạo 9. Đoàn DBQH tỉnh Đắk Nông 	<ol style="list-style-type: none"> 10. D/c Đỗ Thị Kiều Dung 11. D/c Đoàn Mạnh Cường 12. D/c Bùi Giang Nam 13. Nguyễn Thị Hải Vân 14. Vụ PVHDGS 15. Văn phòng Đoàn DBQH tỉnh Đắk Nông
	<i>Chiều</i>				
Ngày 24/3 (Thứ Sáu) hoặc ngày 4/4/2023	<i>Sáng</i>	L/v với Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông	CQQLNN	<ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Nguyễn Thị Thanh 2. D/c Nguyễn Thị Mai Hoa 3. D/c Vũ Thị Lưu Mai 4. D/c Lưu Văn Đức 5. D/c Đỗ Chí Nghĩa 	<ol style="list-style-type: none"> 12. D/c Đỗ Thị Kiều Dung 13. D/c Đoàn Mạnh Cường 14. D/c Bùi Giang Nam 15. Nguyễn Thị Hải Vân 16. D/c Vũ Văn Hoàng Hà

				6. Đ/c Bùi Hoài Sơn 7. Đ/c Lê Thu Hà 8. Đ/c Lê Thị Song An 9. Đ/c Hà Thị Mỹ Dung 10. Đoàn ĐBQH tỉnh Đắk Nông <i>Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nội vụ; VHHT&DL; LĐT&XH</i> 11. Chuyên gia	17. Vụ PVHĐGS 18. Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh Đắk Nông
--	--	--	--	--	--

5. Lai Châu (27-28/3/2023)

Thời gian	Nội dung, địa điểm	Loại hình	Thành phần	Tổ giúp việc
Ngày 27/3 (Thứ Hai)	L/v với Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học & THCS Bản Lang số 2, xã bản Lang, huyện Phong Thổ	Công lập	Đoàn 1: 1. Đ/c Nguyễn Thị Mai Hoa 2. Đ/c Vũ Thị Lưu Mai 3. Đ/c Lưu Văn Đức 4. Đ/c Lê Thị Song An 5. Bộ Giáo dục và Đào tạo Đoàn 2: 1. Đ/c Đỗ Chí Nghĩa 2. Đ/c Bùi Hoài Sơn 3. Đ/c Lê Thu Hà 4. Đoàn ĐBQH tỉnh Lai Châu	6. Đ/c Đỗ Thị Kiều Dung 7. Nguyễn Thị Hải Vân 8. Vụ PVHĐGS
	L/v với Trường PTDTBT THCS Đào San, xã Đào San, huyện Phong Thổ	Công lập	Đoàn 1 +2: 1. Đ/c Nguyễn Thị Mai Hoa 2. Đ/c Vũ Thị Lưu Mai 3. Đ/c Lê Thu Hà 4. Đ/c Đỗ Chí Nghĩa 5. Đ/c Bùi Hoài Sơn 6. Đ/c Lưu Văn Đức	5. Đ/c Bùi Giang Nam 6. Đ/c Đoàn Mạnh Cường
	L/v với Ủy ban nhân dân huyện huyện Phong Thổ	CQQLNN		10. Đ/c Đỗ Thị Kiều Dung 11. Đ/c Đoàn Mạnh Cường 12. Đ/c Bùi Giang Nam 13. Nguyễn Thị Hải Vân 14. Vụ PVHĐGS

				<ol style="list-style-type: none"> 7. D/c Lê Thị Song An 8. Bộ Giáo dục và Đào tạo 9. Đoàn ĐBQH tỉnh Lai Châu 	
<p style="text-align: center;">Ngày 28/3 (Thứ Ba)</p>	<i>Sáng</i>	L/v với Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Công lập	<p style="text-align: center;">Đoàn 1:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Nguyễn Thị Mai Hoa 2. D/c Vũ Thị Lưu Mai 3. D/c Lưu Văn Đức 4. D/c Lê Thị Song An 5. Bộ Giáo dục và Đào tạo 	<ol style="list-style-type: none"> 6. D/c Đỗ Thị Kiều Dung 7. Nguyễn Thị Hải Vân 8. Vụ PVHDGS
		L/v với Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Lai Châu	Chuyên biệt/Công lập	<p style="text-align: center;">Đoàn 2:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Đỗ Chí Nghĩa 2. D/c Bùi Hoài Sơn 3. D/c Lê Thu Hà 4. Đoàn ĐBQH tỉnh Lai Châu 	<ol style="list-style-type: none"> 5. D/c Bùi Giang Nam 6. D/c Đoàn Mạnh Cường
<i>Chiều</i>		L/v với Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu	CQQLNN	<ol style="list-style-type: none"> 1. D/c Nguyễn Thị Thanh 2. D/c Nguyễn Thị Mai Hoa 3. D/c Vũ Thị Lưu Mai 4. D/c Lê Thu Hà 5. D/c Đỗ Chí Nghĩa 6. D/c Bùi Hoài Sơn 7. D/c Lưu Văn Đức 8. D/c Lê Thị Song An 9. Đoàn ĐBQH tỉnh Lai Châu 10. Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nội vụ; VHTT&DL, LĐTB&XH 11. Chuyên gia 	<ol style="list-style-type: none"> 12. D/c Đỗ Thị Kiều Dung 13. D/c Đoàn Mạnh Cường 14. D/c Bùi Giang Nam 15. Nguyễn Thị Hải Vân 16. D/c Vũ Văn Hoàng Hà 17. Vụ PVHDGS 18. Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh Lai Châu

ĐOÀN GIÁM SÁT

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (Đối với trường trung học phổ thông)

Thực hiện Nghị quyết số 581/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “*Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*”, Đoàn giám sát đề nghị các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2014 - 2022 (phần nội dung liên quan đến trách nhiệm của Nhà trường), trong đó cần tập trung xem xét, đánh giá một số nội dung chủ yếu sau đây:

I. Khái quát về kết quả giáo dục của nhà trường

II. Tình hình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và sách giáo khoa mới

1. Đánh giá văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của địa phương để triển khai Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (Nghị quyết 88, Nghị quyết 51).

2. Đánh giá về Chương trình giáo dục phổ thông 2018; sách giáo khoa mới (*những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc đối với giáo viên và học sinh trong quá trình triển khai thực hiện*).

a) Đánh giá về chương trình

- Tính phù hợp về mục tiêu, yêu cầu đổi mới;
- Tính khả thi; mức độ phù hợp điều kiện cụ thể của nhà trường; tình phù hợp với khả năng tiếp thu của các đối tượng học sinh (*thuận lợi, khó khăn, vướng mắc đối với giáo viên và học sinh trong quá trình triển khai thực hiện*).

b) Về triển khai chương trình

- + Việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- + Việc đổi mới phương pháp dạy học;
- + Việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá;
- + Việc đổi mới về quản trị nhà trường.

c) Đánh giá về sách giáo khoa giáo dục phổ thông

- Về chất lượng, nội dung sách giáo khoa (*tính phù hợp, về mục tiêu, yêu cầu*);
- Sự phù hợp của giá sách giáo khoa giá đối với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, mức sống của người dân.

d) Việc lựa chọn sách giáo khoa (thuận lợi, khó khăn, bất cập);

đ) Việc phát hành sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trên địa bàn (về phương thức phát hành, tiến độ cung ứng sách, thuận lợi, khó khăn...);

e) Đánh giá về chất lượng tài liệu giáo dục của địa phương.

3. Đánh giá các điều kiện bảo đảm triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của nhà trường:

a) Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý của nhà trường

- Số lượng, cơ cấu (*thừa, thiếu, dự báo nhu cầu...*);

- Chất lượng (*chuẩn trình độ; công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018*);

- Về việc bố trí giáo viên dạy các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

b) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường

- Khả năng đáp ứng cơ sở vật chất: Khối phòng học tập (*phòng học, phòng học bộ môn...*); khối phòng hỗ trợ học tập (*thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng tư vấn học đường...*); khối phụ trợ (*phòng y tế trường học, khu vệ sinh...*); khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt: *nhà bếp, nhà ăn, phòng nội trú... (nếu có)*;

- Khả năng đáp ứng về trang thiết bị dạy học.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đã đạt được trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 và sách giáo khoa mới

2. Tồn tại, nguyên nhân

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan;
- Nguyên nhân chủ quan.

2.3. Giải pháp khắc phục

IV. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đối với Chính phủ;
- Đối với Bộ, ngành liên quan;
- Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

PHỤ LỤC

Các bảng biểu, số liệu thống kê của Nhà trường về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các tài liệu khác (nếu có).

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (Đối với trường trung học cơ sở)

Thực hiện Nghị quyết số 581/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông”, Đoàn giám sát đề nghị các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2014 - 2022 (phần nội dung liên quan đến trách nhiệm của Nhà trường), trong đó cần tập trung xem xét, đánh giá một số nội dung chủ yếu sau đây:

I. Khái quát về kết quả giáo dục của nhà trường

II. Tình hình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và sách giáo khoa mới

3. Đánh giá văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của địa phương để triển khai Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

4. Đánh giá về Chương trình giáo dục phổ thông 2018; sách giáo khoa mới (*những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc đối với giáo viên và học sinh trong quá trình triển khai thực hiện*).

a) Đánh giá về chương trình

- Tính phù hợp về mục tiêu, yêu cầu đổi mới;
- Tính khả thi; mức độ phù hợp điều kiện cụ thể của nhà trường; tình phù hợp với khả năng tiếp thu của các đối tượng học sinh (*thuận lợi, khó khăn, vướng mắc đối với giáo viên và học sinh trong quá trình triển khai thực hiện*).

b) Về triển khai chương trình

- + Việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- + Việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá;
- + Việc đổi mới phương pháp dạy học;
- + Việc đổi mới về quản trị nhà trường.

c) Đánh giá về sách giáo khoa

- Về chất lượng, nội dung sách giáo khoa giáo dục phổ thông (*tính phù hợp, về mục tiêu, yêu cầu*).

- Sự phù hợp của giá sách giáo khoa giá đối với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, mức sống của người dân.

d) Việc lựa chọn sách giáo khoa (thuận lợi, khó khăn, bất cập);

đ) Việc phát hành sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trên địa bàn (về phương thức phát hành, tiến độ cung ứng sách, thuận lợi, khó khăn...);

e) Đánh giá về chất lượng tài liệu giáo dục của địa phương.

3. Đánh giá các điều kiện bảo đảm triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của nhà trường:

a) Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý của nhà trường

- Số lượng, cơ cấu (thừa, thiếu, dự báo nhu cầu...);
- Chất lượng (chuẩn trình độ, công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018);
- Về việc bố trí giáo viên dạy các môn tích hợp, các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

b) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường

- Khả năng đáp ứng cơ sở vật chất: Khối phòng học tập (phòng học, phòng học bộ môn...); khối phòng hỗ trợ học tập (thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng tư vấn học đường...); khối phụ trợ (phòng y tế trường học, khu vệ sinh...); khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt (nhà bếp, nhà ăn, phòng nội trú...);
- Khả năng đáp ứng về trang thiết bị dạy học.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đã đạt được trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và sách giáo khoa mới

2. Tôn tại, nguyên nhân

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan;
- Nguyên nhân chủ quan.

2.3. Giải pháp khắc phục

IV. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đối với Chính phủ;
- Đối với Bộ, ngành liên quan;
- Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

PHỤ LỤC

Các bảng biểu, số liệu thống kê của Nhà trường về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các tài liệu khác (nếu có).

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và
Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình,
sách giáo khoa giáo dục phổ thông
(Đối với trường tiểu học)

Thực hiện Nghị quyết số 581/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “*Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*”, Đoàn giám sát đề nghị các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2014 - 2022 (phần nội dung liên quan đến trách nhiệm của Nhà trường), trong đó cần tập trung xem xét, đánh giá một số nội dung chủ yếu sau đây:

I. Khái quát về kết quả giáo dục của nhà trường

II. Tình hình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và sách giáo khoa mới

1. Đánh giá văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của địa phương để triển khai Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

2. Đánh giá về Chương trình giáo dục phổ thông 2018; sách giáo khoa mới (*những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc đối với giáo viên và học sinh trong quá trình triển khai thực hiện*).

a) Đánh giá về chương trình

- Tính phù hợp về mục tiêu, yêu cầu đổi mới;
- Tính khả thi; mức độ phù hợp điều kiện cụ thể của nhà trường; tình phù hợp với khả năng tiếp thu của các đối tượng học sinh (*thuận lợi, khó khăn, vướng mắc đối với giáo viên và học sinh trong quá trình triển khai thực hiện*).

b) Về triển khai chương trình

- + Việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- + Việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá;
- + Việc đổi mới phương pháp dạy học;
- + Việc đổi mới về quản trị nhà trường.

c) Đánh giá về sách giáo khoa

- Về chất lượng, nội dung sách giáo khoa giáo dục phổ thông (*tính phù hợp, về mục tiêu, yêu cầu*).

- Sự phù hợp của giá sách giáo khoa giá đối với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, mức sống của người dân.

d) Việc lựa chọn sách giáo khoa (thuận lợi, khó khăn, bất cập);

đ) Việc phát hành sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trên địa bàn (về phương thức phát hành, tiến độ cung ứng sách, thuận lợi, khó khăn...);

e) Đánh giá về chất lượng tài liệu giáo dục của địa phương.

3. Đánh giá các điều kiện bảo đảm triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của nhà trường:

a) Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý của nhà trường

- Số lượng, cơ cấu (thừa, thiếu, dự báo nhu cầu...);

- Chất lượng (chuẩn trình độ, công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018);

- Về việc bố trí giáo viên dạy các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Khả năng đáp ứng của giáo viên và ý kiến của phụ huynh, học sinh.

b) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường

- Khả năng đáp ứng cơ sở vật chất: Khối phòng học tập (phòng học, phòng học bộ môn...); khối phòng hỗ trợ học tập (thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng tư vấn học đường...); khối phụ trợ (phòng y tế trường học, khu vệ sinh...); khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt (nhà bếp, nhà ăn, phòng nội trú...);

- Khả năng đáp ứng về trang thiết bị dạy học.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đã đạt được trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và sách giáo khoa mới

2. Tồn tại, nguyên nhân

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan;

- Nguyên nhân chủ quan.

2.3. Giải pháp khắc phục

IV. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Đối với Chính phủ;

- Đối với Bộ, ngành liên quan;

- Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

PHỤ LỤC

Các bảng biểu, số liệu thống kê của Nhà trường về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các tài liệu khác (nếu có).

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và
Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình,
sách giáo khoa giáo dục phổ thông
(Đối với Trung tâm giáo dục thường xuyên;
Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên)

Thực hiện Nghị quyết số 581/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “*Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*”, Đoàn giám sát đề nghị Trung tâm giáo dục thường xuyên/ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2014 - 2022 (phần nội dung liên quan đến trách nhiệm của Nhà trường), trong đó cần tập trung xem xét, đánh giá một số nội dung chủ yếu sau đây:

I. Khái quát về kết quả giáo dục của nhà trường

(Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, quy mô trường lớp, số lượng giáo viên, học viên..).

II. Đánh giá tình hình thực hiện Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và sách giáo khoa mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 *(những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc đối với giáo viên và học sinh trong quá trình triển khai thực hiện).*

1. Về Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.
2. Về sách giáo khoa mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018
3. Về đội ngũ nhà giáo:
 - Số lượng, cơ cấu (*thừa, thiếu, dự báo nhu cầu...*);
 - Chất lượng (*chuẩn trình độ, công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên,...*);
 - Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, giáo viên, nhân viên và người học...
4. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường.
5. Về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đã đạt được trong việc thực hiện Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và sách giáo khoa mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018
2. Tồn tại, hạn chế

IV. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đối với Chính phủ;
- Đối với Bộ, ngành liên quan;
- Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

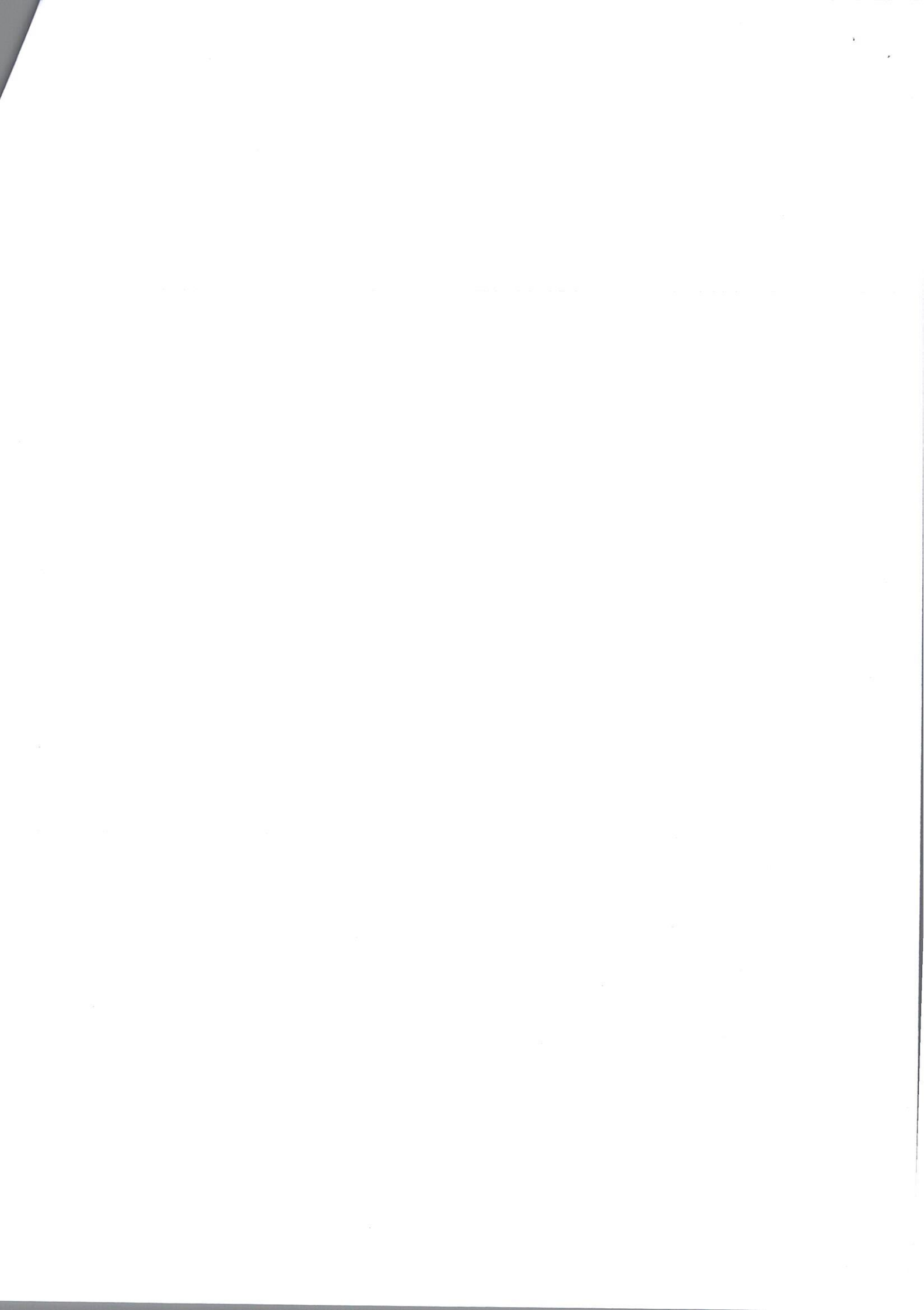
PHỤ LỤC

Các bảng biểu, số liệu thống kê của Trung tâm giáo dục thường xuyên/ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các tài liệu khác (nếu có).

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**Tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và
Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình,
sách giáo khoa giáo dục phổ thông
(Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)**

Thực hiện Nghị quyết số 581/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “*Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*”, Đoàn giám sát đề nghị cơ sở giáo dục nghề nghiệp báo cáo một số nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tổng quan về mô hình tổ chức, quản trị và hoạt động của nhà trường.
2. Về công tác tuyển sinh, học phí, đào tạo liên thông, bảo đảm chất lượng GDNN; Các vấn đề về sắp xếp, tổ chức lại cơ sở GDNN.
3. Về thực hiện giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019.
4. Những khó khăn, bất cập và đề xuất, kiến nghị.



2	Khối phòng hỗ trợ học tập - Thư viện - Phòng thiết bị giáo dục - Phòng tư vấn học đường - Phòng truyền thống - Phòng Đoàn Thanh niên	phòng phòng phòng phòng phòng	
3	Khối hành chính quản trị - Phòng Hiệu trưởng - Phòng Phó Hiệu trưởng - Văn phòng - Phòng bảo vệ - Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên - Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	phòng phòng phòng phòng khu khu	
4	Khối phụ trợ - Phòng hợp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường - Phòng các tổ chuyên môn - Phòng Y tế học đường - Nhà kho - Khu để xe học sinh - Khu vệ sinh học sinh - Công, hàng rào	phòng phòng phòng nhà khu khu hàng mục	
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao - Sân chơi chung - Sân thể dục thể thao	sân sân	
6	Khối phục vụ sinh hoạt - Nhà bếp - Kho bếp - Nhà ăn - Nhà ở nội trú học sinh - Phòng quản lý học sinh - Phòng sinh hoạt chung	nhà kho nhà nhà phòng phòng	
7	Hàng mục khác - Phòng học bộ môn Khoa học xã hội - Phòng nghỉ giáo viên	phòng phòng	

- Phòng giáo viên																			
- Nhà đa năng																			
- Nhà văn hóa																			

phòng
nhà
nhà

